

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1964** /STC-HCSN

V/v: Báo cáo thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; NĐ số 43/2006/NĐ-CP, và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP năm 2017.

Bắc Giang, ngày **07** tháng 12 năm 2017

Kính gửi: - Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về việc quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn liên quan; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/02/2015 Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; tổng hợp tình hình thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017, và các văn bản liên quan.

Để có số liệu báo cáo Bộ Tài chính về tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

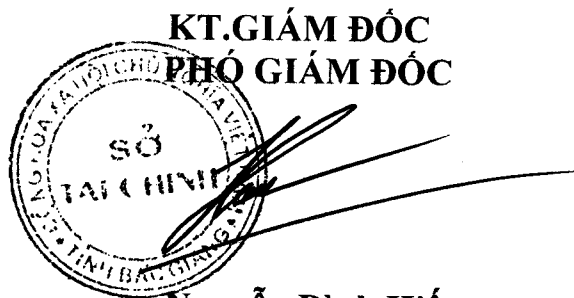
Sở Tài chính đề nghị các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố báo cáo định kỳ kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP năm 2006; tổng hợp tình hình thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017. Báo cáo gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2018.

(Có đề cương và các phụ biểu chi tiết kèm theo)

Vậy, Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố quan tâm thực hiện./.

Nơi nhận: *dmj*

- Lưu: VT, TC-HCSN;
- * Bản điện tử;
- Như trên;
- phòng Ngân sách; Đầu tư;
- GD, PGĐ (đ/c Hiếu).



Nguyễn Đình Hiếu

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 43/2006/NĐ-CP VÀ
NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Công văn số **1964**/STC-HCSN ngày **07** tháng 12 năm 2017 của Sở Tài chính)

STT	Tên đơn vị	Đã xây dựng quy chế	Chưa xây dựng quy chế	Giao quyền tự chủ năm tiếp theo	Ghi chú
I	Cơ quan hành chính				
1	Tổng số cơ quan hành chính trực thuộc				
2	Số cơ quan đã thực hiện ND số 130/2005/NĐ-CP				
	+ Đơn vị A				
	+ Đơn vị B				
				
3	Số cơ quan chưa thực hiện ND số 130/2005/NĐ-CP				
	+ Đơn vị A				
	+ Đơn vị B				
				
II	Đơn vị sự nghiệp công lập				
1	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc				
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện ND số 43/2006/NĐ-CP				
	+ Đơn vị A				
	+ Đơn vị B				
				
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập chưa thực hiện ND số 43/2006/NĐ-CP				
	+ Đơn vị A				
	+ Đơn vị B				
				
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập giao quyền tự chủ năm tiếp theo				
	+ Đơn vị A				
	+ Đơn vị B				
				

Đơn vị:.....

Phụ biểu số 02

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NĂM 2017

Nội dung	ĐVT	Tổng số	Gồm các đơn vị			Ghi chú
			Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị.....	
1. Về biên chế						
- Tổng số BC được giao	người					
- Số BC có mặt	người					
- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm BC trên tổng số đơn vị thực hiện.....đơn vị/.....đơn vị	đơn vị					
- Phân tích nguyên nhân giám:						
+ Về hưu, nghỉ chế độ	người					
+ Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức	người					
+ Nguyên nhân khác	người					
2. Về sắp xếp tổ chức bộ máy						
- Số đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy trên tổng số đơn vị thực hiện...đơn vị/....đơn vị	đơn vị					
- Số phòng, ban đã sắp xếp tổ chức bộ máy giảm được...phòng, ban	phòng					
3. Về kinh phí:						
a. Kinh phí quản lý hành chính được giao (tổng số)	đồng					
Trong đó:						
- Kinh phí thực hiện tự chủ:	đồng					
+ Số kinh phí thực hiện	đồng					
+ Số kinh phí tiết kiệm được	đồng					
+ Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được kinh phí	đơn vị					
+ Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với KP được giao	%					
+ Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm so với KP được giao cao nhất	%					
- Kinh phí không thực hiện tự chủ	đồng					

Nội dung	ĐVT	Tổng số	Gồm các đơn vị			Ghi chú
			Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị.....	
b. Phân phối sử dụng KP tiết kiệm được - Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần - Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1-0,2 lần - Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2-0,3 lần - Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3-0,4 lần - Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4-0,5 lần - Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là - Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là - Trích các quỹ và chi khác	đơn vị đơn vị đơn vị đơn vị đơn vị trđ/tháng trđ/tháng triệu đồng					

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH
SỐ 43/2006/NĐ-CP NGÀY 25/4/2006 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2017**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	TH năm 2017
I	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Số đơn vị	
II	Tổng số đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính	Số đơn vị	
1	Số đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động	Số đơn vị	
2	Số đơn vị tự bảo đảm một phần CP hoạt động	Số đơn vị	
3	Số đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí HĐ	Số đơn vị	
III	Tổng số biên chế, lao động của đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính	Người	
1	Số biên chế	Người	
	- Số kế hoạch	Người	
	- Số thực hiện	Người	
2	Lao động hợp đồng (trên 1 năm)	Người	
IV	Quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ trong năm của các đơn vị được giao tự chủ tài chính	Triệu đồng	
V	Tổng kinh phí trong năm của các đơn vị được giao tự chủ tài chính	Triệu đồng	
1	Kinh phí NSNN cấp trong năm	Triệu đồng	
a	Cho số đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí HĐ	Triệu đồng	
b	Cho số đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí HĐ	Triệu đồng	
2	Thu sự nghiệp trong năm. Gồm:	Triệu đồng	
a	Thu phí, lệ phí	Triệu đồng	
b	Thu dịch vụ	Triệu đồng	
c	Thu khác	Triệu đồng	
VI	Tổng thu nhập tăng thêm trong năm	Triệu đồng	
VII	Trích lập các quỹ	Triệu đồng	
1	Quỹ phát triển sự nghiệp	Triệu đồng	
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	
VIII	Số đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ (so với tổng số đơn vị được giao quyền tự chủ)	Số đơn vị	
IX	Về huy động vốn		
1	Số đơn vị có huy động vốn để sử dụng hoạt động dịch vụ (so với tổng số đơn vị được giao tự chủ)	Số đơn vị	
2	Số vốn huy động được	Triệu đồng	
	- Huy động của CBCNV	Triệu đồng	
	- Vay vốn của các tổ chức tín dụng	Triệu đồng	
3	Đơn vị có số vốn huy động cao nhất	Tên đơn vị	
	- Số vốn huy động	Triệu đồng	
	- Mục đích huy động		
4	Đơn vị có số vốn huy động thấp nhất	Tên đơn vị	
	- Số vốn huy động		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	TH năm 2017
	- Mục đích huy động		
X	Về tiết kiệm kinh phí hoạt động thường xuyên		
1	Số đơn vị tiết kiệm chi (so với tổng số đơn vị giao tự chủ)	Số đơn vị	
2	Số kinh phí tiết kiệm được	Triệu đồng	
3	Tên đơn vị có số kinh phí tiết kiệm cao nhất	Đơn vị	
4	Tên đơn vị có số kinh phí tiết kiệm thấp nhất	Đơn vị	
XI	Về số thu sự nghiệp		
1	Số tăng thu so với năm trước	Triệu đồng	
2	Đơn vị có số thu cao nhất	Đơn vị	
	- Số thu trong năm	Triệu đồng	
3	Đơn vị có số thu thấp nhất	Đơn vị	
	- Số thu trong năm	Triệu đồng	
XII	Về thu nhập tăng thêm		
1	Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm dưới 1 lần	Số đơn vị	
2	Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 1 lần đến 2 lần	Số đơn vị	
3	Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 2 lần đến 3 lần	Số đơn vị	
4	Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 3 lần trở lên	Số đơn vị	
5	Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất	Đơn vị	
	- Số thu nhập tăng thêm	Tr đồng/tháng	
6	Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất	Đơn vị	
	- Số thu nhập tăng thêm	Tr đồng/tháng	

